

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/11/2021

“ V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triều Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký TAND TP.Biên Hòa.

- Đại diện VKSND thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 451/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Kha Văn T, sinh năm 1975.
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1981.
Cùng trú tại: Tổ 19, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.
(Ông T có đơn xin vắng mặt, bà D vắng mặt không có lý do).

NỘI D V U Á N:

*Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn ông Kha Văn T trình bày: Ông T và bà D tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Thuận, huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà D thường xuyên vắng nhà không lo lắng cho gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ và đã sống ly thân. Nay ông không còn tình cảm với bà D nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Kha Văn T C, sinh ngày 05/6/2003 và Kha Văn T N, sinh ngày 02/9/2009. Cháu Cường đã trên 18 tuổi. Ông T yêu cầu được nuôi cháu Nhân và yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc ông T đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

*Bà Nguyễn Thị Ngọc D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa xét xử nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hôn nhân giữa ông T và bà D là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông T có căn cứ.

Về con chung: Hiện hai con chung là Kha Văn T C, sinh ngày 05/6/2003 và Kha Văn T N, sinh ngày 02/9/2009 đang sống ổn định với ông T. Cháu T C đã trên 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Cần giao cháu Kha Văn T N cho ông T chăm sóc giáo dục là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Kha Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc D cư trú tại phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà D về việc thụ lý vụ án, làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa. Bà D cố tình vắng mặt. Ông Kha Văn T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Thuận, huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của ông T thì vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, bà D thường xuyên bỏ nhà đi, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ nhau và đã sống ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn nên ông T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà D để ông ổn định cuộc sống mới. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà D thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được, ông và bà D đã sống ly thân, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng ông T cương quyết ly hôn không đồng ý đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc D.

[3] Về con chung: Ông T và bà D có 02 con chung là Kha Văn T C, sinh ngày 05/6/2003 và Kha Văn T N, sinh ngày 02/9/2009 hiện đang sống ổn định với ông T. Cháu Cường đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Cần giao cháu Kha Văn T N cho ông T chăm sóc giáo dục là phù hợp. Buộc bà D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, ông T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Bà D phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 207; Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 9,10,11,12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 và 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kha Văn T. Ông Kha Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc D.

2. Về con chung: Con chung là Kha Văn T C, sinh ngày 05/6/2003 đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết. Giao cháu Kha Văn T N, sinh ngày 02/9/2009 cho ông T chăm sóc giáo dục là phù hợp. Buộc bà D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nhân mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) đến khi cháu Nhân tròn 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng

tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Kha Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, biên lai số 0000219 ngày 01/3/2021. Ông T đã nộp xong án phí. Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND TP.Biên Hòa (2);
- Chi cục THA dân sự TP.Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND xã Hiếu Thuận,
Huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Triều Châu

